

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09- 9-2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lệ

2. Ông Đinh Công Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền –Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Hoàng Thị Hồng–
Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST ngày 07/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST – HNGĐ ngày 21/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố O, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố O, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Vũ Tiến D qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 16/5/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông D không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 9/2016 đến nay bà và ông D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Vũ Tiến T, sinh ngày 20/11/2005 và Vũ Lê Thảo N, sinh ngày 27/6/2015. Từ khi ly thân bà là người trực tiếp nuôi hai cháu, nay ly hôn bà có nguyện vọng nuôi hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông D cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/con cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Ông Vũ Tiến D theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông D không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H đối với Ông Vũ Tiến D.

Về án phí: Các đương sự đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Lê Thị H và Ông Vũ Tiến D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà H, ông D: Tại biên bản xác minh về tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông D, do bà Trần Thị Vinh là chị dâu của ông D cung cấp phù hợp trình bày của bà H, cụ thể như sau: Khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến nay ông D thường xuyên đi làm ăn xa, một mình bà H ở nhà vừa buôn bán vừa chăm sóc các con nhỏ, gia đình bà đã nhiều lần liên hệ với ông D để ông D về phụ bà H lo kinh tế gia đình và chăm sóc các con nhưng ông D không về, không quan tâm gì đến vợ con.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H đối với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có là 02 con chung là Vũ Tiến T, sinh ngày 20/11/2005 và Vũ Lê Thảo N, sinh ngày 27/6/2015.

Xét yêu cầu nuôi con và điều kiện nuôi con của nguyên đơn thấy: Từ khi ly thân, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông D không quan tâm con cái nên đã bỏ mặc các con để bà H nuôi mà đi làm ăn xa nhiều năm nay. Bản thân cháu T có nguyện vọng được sống với bà H, từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu T và N đều được bà H chăm sóc tốt, cho học hành ổn định. Do đó xét về nguyện vọng của con, điều kiện nuôi con của bà H đồng thời để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho các cháu cần giao các cháu T và cháu N cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà H thì thấy: Bà H làm nghề buôn bán với mức thu nhập bình quân 7.000.000đ đến 8.000.000 đồng/tháng, nghề buôn bán của bà phụ thuộc nhiều vào thời tiết nên không ổn định, với mức thu nhập trên để lo sinh hoạt hàng ngày cho gia đình và việc học tập cho các con là rất khó khăn; đồng thời Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó để đảm bảo cho các con được ổn định học tập thì ông D cần thiết phải có nghĩa vụ cấp dưỡng để phụ bà H nuôi các con.

Hiện nay mức thu nhập bình quân của một lao động phổ thông tại địa phương là 200.000đ/ngày, quá trình giải quyết vụ án ông D không đến Tòa làm việc để Tòa án xác định mức thu nhập là đã từ bỏ việc tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó xem xét nhu cầu sinh hoạt thực tế và chi phí học tập của các cháu thì mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/con bà H đưa ra phù hợp với nhu cầu của các cháu nên cần chấp nhận.

Cần buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Tiến T và cháu Vũ Lê Thảo N số tiền 1.500.000đ/tháng/ 1 con tính từ tháng 9/2019 đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Vũ Tiến D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H đối với Ông Vũ Tiến D về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về tình cảm: Bà Lê Thị H được ly hôn với Ông Vũ Tiến D.

Về con chung: Buộc Ông Vũ Tiến D giao cháu Vũ Tiến T, sinh ngày 20/11/2005 và Vũ Lê Thảo N, sinh ngày 27/6/2015 cho Bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc Ông Vũ Tiến D cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Tiến T và cháu Vũ Lê Thảo N số tiền 1.500.000đ/tháng/con (3.000.000 đồng/2 con), kể từ tháng 9 năm 2019 đến khi con chung trưởng thành.

Ông D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009111 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Vũ Tiến D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND thị trấn G,
huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Bảo Ngọc